



ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHI XUÂN

03 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghi Xuân, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**QUYẾT TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019**  
(*Báo cáo UBND huyện trình tại kỳ họp thứ 16, HĐND huyện khoá XX*)

Thực hiện Nghị Quyết số 48/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2019. Trong điều kiện thuận lợi, kinh tế huyện nhà tiếp tục phát triển tích cực và đạt mức tăng trưởng cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch được nâng cao; thu hút đầu tư tăng, nhiều dự án đã được triển khai đem lại hiệu quả, góp phần tăng thu ngân sách.

Bên cạnh những thuận lợi thì vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt thời tiết, dịch bệnh diễn biến bất thường đã gây ảnh hưởng đến đời sống, tình hình sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Song việc thực hiện nhiệm vụ dự toán ngân sách cơ bản đáp ứng các nhiệm vụ trên địa bàn và đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019.**

**1. Thu ngân sách**

Tổng thu ngân sách trong năm 2019 trên địa bàn đạt 1.313,3 tỷ đồng/556,135 tỷ đồng đạt 236% so với HĐND huyện giao. Trong đó:

- Thu Ngân sách nhà nước 530,7 tỷ đồng/208 tỷ đồng đạt 255% so với HDDND huyện giao.
- Thu chuyển giao ngân sách 600,248 tỷ đồng/348,135 tỷ đồng đạt 172%
- Thu chuyển nguồn 143,2 tỷ đồng.
- Thu kết dư ngân sách 39,062 tỷ đồng

Thu ngân sách nhà nước năm 2019 đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đạt được kết quả như vậy là nhờ sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; các phòng, ban, ngành chuyên môn, đặc biệt là ngành thuế đã nỗ lực khắc phục những khó khăn, tập trung triển khai kịp thời và đồng bộ các giải pháp để tổ chức thu ngân sách. Tăng cường quản lý thuế ngoài quốc

doanh, tập trung rà soát, đối chiếu, kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế, chủ động tích cực triển khai thực hiện kế hoạch thu đã giao đầu năm. Kết quả đạt được như sau:

- Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước thu được 4,953 tỷ đồng/9,3 tỷ đồng, đạt 53% so với kế hoạch HĐND huyện giao. Sắc thuế này không đạt kế hoạch, nguyên nhân sắc thuế này do cấp tính thu và điều tiết. Hàng năm các Doanh nghiệp Nhà nước mua sắm tài sản để đầu tư sản xuất kinh doanh thay thế thiết bị cũ nên thuế VAT-TNDN được khấu trừ vào thiết bị đầu vào.

- Thu ngoài quốc doanh thu được 25,297 tỷ đồng/22,0 tỷ đồng đạt 115% so với kế hoạch. Nguyên nhân: Nguồn thu của huyện chủ yếu tập trung vào sắc thuế này, trong năm 2019 các Doanh nghiệp ổn định tình hình sản xuất, kinh doanh; các xã, thị trấn đã quy hoạch và bán đấu giá đất tại các vùng dân cư, đặc biệt là các doanh nghiệp đã nộp tiền cấp quyền sử dụng đất, tiền thuê đất của các khu dân cư NTM, khu đô thị nên huyện và các địa phương đã có nguồn trả nợ cho các doanh nghiệp và trong năm cũng đã xây dựng mới các công trình. Vì vậy một số Doanh nghiệp lâu nay còn nợ thuế đã có nguồn trả ngân sách; mặt khác công tác chấp hành nghĩa vụ thuế tại các doanh nghiệp ngày càng đi vào nề nếp.

- Lệ phí trước bạ: 32,609 tỷ đồng/25,0 tỷ đồng đạt 130% so với KH giao. Nguồn thu này được phân cấp cho ngân sách huyện và ngân sách xã hưởng; ngân sách cấp xã hưởng phần lệ phí trước bạ nhà, đất; ngân sách cấp huyện hưởng phần trước bạ phương tiện. Do đời sống được nâng lên, người dân có thu nhập nên năm 2019 nhân dân mua sắm phương tiện đi lại sản xuất kinh doanh và đất ở tăng cao, theo đó lệ phí trước bạ phương tiện thu vào ngân sách cũng gia tăng.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 639,7 triệu đồng/700 triệu đồng đạt 91%; Thuế thu nhập cá nhân 6,650 tỷ đồng/5,00 tỷ đồng đạt 133%.

- Phí, lệ phí 3,018 tỷ đồng/2,5 tỷ đồng đạt 121% so với Kế hoạch HĐND huyện giao. Mặc dù có sự thay đổi chính sách một số phí, lệ phí được miễn giảm nhưng nguồn thu này năm 2019 vẫn vượt kế hoạch đề ra là do các đơn vị, địa phương đã quan tâm đến công tác thu phí, lệ phí và đã tận thu, thu đúng, thu đủ.

- Tiền sử dụng đất 426,630 tỷ đồng/130,0 tỷ đồng đạt 328% “Trong đó: Ghi thu, ghi chi tiền đất tại cấp huyện là 47,961 tỷ đồng). Năm 2019 các xã, thị trấn đã chủ động quy hoạch để bán đấu giá đất ở cho người dân khá lớn. Đặc biệt trong năm các doanh nghiệp, các nhà đầu tư đã nộp tiền sử dụng đất của các khu dân cư NTM, khu đô thị xây dựng từ các năm trước vào ngân sách nên nguồn thu này vượt cao. Mặt khác do kết cấu hạ tầng của huyện nhà ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông nên việc bán đấu giá một số địa phương khá thuận lợi, không chỉ là người địa phương tham gia đấu giá mà có cả người các tỉnh khác đến tham gia đấu giá tại địa bàn, nên một số vùng đấu giá vượt giá khởi điểm rất cao làm cho thu ngân sách tăng.

- Tiền thuê đất, mặt nước 12,037 tỷ đồng/8,0 tỷ đồng đạt 150%. Trong năm 2019 một số Công ty đã nộp tiền thuê đất của một số dự án tại các địa phương như: Cương Gián, Xuân Liên, Xuân Trường, Thị trấn Xuân An.

- Thu tại xã 5,002 tỷ đồng/2,00 tỷ đồng đạt 250%. Khoản thu này chủ yếu là thu Hoa lợi công sản và một số khoản thu khác.

- Thu khác ngân sách 5,416 tỷ đồng/3,00 tỷ đồng đạt 181%. Trong đó ngân sách huyện hưởng 2,021 tỷ đồng.

(Số liệu có phụ lục đính kèm)

## **2. Chi ngân sách**

- Tổng chi ngân sách huyện năm 2019: 963,993 tỷ đồng/498,810 tỷ đồng đạt 193% so với Kế hoạch, trong đó:

- Chi ngân sách cấp huyện: 511,250 tỷ đồng/417,285 tỷ đồng đạt 123% so với Kế hoạch.

- Chi chuyển giao qua xã, thị trấn: 147,241 tỷ đồng/81,522 tỷ đồng đạt 181% so với Kế hoạch.

- Chi chuyển nguồn: 305,502 tỷ đồng.

Việc thực hiện chi ngân sách huyện năm 2019, cụ thể:

2.1. Chi đầu tư phát triển năm 2019: 166,686 tỷ đồng/98,552 tỷ đồng đạt 169%.

Năm 2019 chi đầu tư phát triển đảm bảo các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra như: Trả nợ cũ các công trình đã phê duyệt quyết toán, đã hoàn thành; thực hiện

đầu tư xây dựng mới một số công trình, hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh. Phần tăng thu, kết dư ngân sách Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành rà soát công nợ và được sự thống nhất của thường trực HĐND huyện cho ý kiến bố trí trả nợ cho các công trình. Bên cạnh đó Ủy ban nhân dân huyện còn huy động được một số nguồn từ ngân sách cấp tỉnh bố trí cho một số công trình nhằm hoàn thiện hơn tiêu chí nông thôn mới, đô thị văn minh...

Trong tổng số tiền chi đầu tư phát triển có số tiền ghi tiền GPMB của các nhà đầu tư XD các khu dân cư NTM và đô thị với số tiền là 49,973 tỷ đồng

2.2. Chi thường xuyên năm 2019: Công tác điều hành và thực hiện dự toán chi ngân sách huyện cơ bản đảm bảo đúng dự toán đầu năm đã được phê duyệt như phục vụ kịp thời các hoạt động hành chính, sự nghiệp, an sinh, xã hội, an ninh, quốc phòng, thực hiện tốt các chế độ chính sách theo qui định và đã phục vụ tốt các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của các cấp uỷ, chính quyền về phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và một số nhiệm vụ đột xuất khác.

*(Số liệu có phụ lục đính kèm)*

Trên đây là báo cáo quyết toán thu- chi ngân sách năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện xin báo cáo Hội đồng nhân dân huyện xem xét phê chuẩn./.

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các phòng ban, ngành, đơn vị liên quan;
- Lưu VT; Phòng TC-KH.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM 2019**  
(Trình kỳ họp thứ 16, HĐND huyện khóa XX)

ĐVT: Ngàn đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh (%)	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định
<b>A</b>	<b>THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>163.000.000</b>	<b>208.000.000</b>	<b>530.707.033</b>	<b>3.388.360</b>	<b>13.597.998</b>	<b>449.632.447</b>	<b>64.088.228</b>	<b>326%</b>	<b>255%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>163.000.000</b>	<b>208.000.000</b>	<b>529.603.927</b>	<b>2.775.514</b>	<b>13.597.998</b>	<b>449.632.447</b>	<b>63.597.968</b>	<b>325%</b>	<b>255%</b>
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực DNNN</b>	<b>9.300.000</b>	<b>9.300.000</b>	<b>4.953.299</b>	<b>0</b>	<b>2.971.979</b>	<b>1.981.320</b>	<b>0</b>	<b>53%</b>	<b>53%</b>
-	Thuế GTGT - TNDN	9.300.000	9.300.000	4.953.299		2.971.979	1.981.320		53%	53%
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			0						
-	Thuế Tài nguyên			0						
<b>2</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp có VĐT nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Thuế GTGT - TNDN			0						
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			0						
-	Tiền thuế mặt đất, mặt nước			0						
-	Thuế Tài nguyên			0						
<b>3</b>	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>	<b>22.000.000</b>	<b>22.000.000</b>	<b>25.297.159</b>	<b>0</b>	<b>56.598</b>	<b>19.396.115</b>	<b>5.844.446</b>	<b>115%</b>	<b>111%</b>
-	Thuế GTGT - TNDN	21.164.000	21.164.000	23.541.293	0	56.598	18.037.004	5.447.691	111%	111%
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	150.000	150.000	140.804	0	0	70.402	70.402	94%	94%
-	Thuế Tài nguyên	686.000	686.000	1.615.062	0	0	1.288.709	326.353	235%	235%
<b>4</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>32.609.666</b>			<b>29.225.564</b>	<b>3.384.102</b>	<b>130%</b>	<b>130%</b>
<b>5</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>6</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>700.000</b>	<b>700.000</b>	<b>639.747</b>			<b>0</b>	<b>639.747</b>	<b>91%</b>	<b>91%</b>
<b>7</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>6.650.164</b>			<b>3.325.082</b>	<b>0</b>	<b>133%</b>	<b>133%</b>
<b>8</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						
<b>9</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>2.500.000</b>	<b>2.500.000</b>	<b>3.017.596</b>	<b>453.078</b>	<b>23.944</b>	<b>995.441</b>	<b>1.545.133</b>	<b>121%</b>	<b>121%</b>
<b>10</b>	<b>Tiền sử dụng đất</b>	<b>85.000.000</b>	<b>130.000.000</b>	<b>426.629.670</b>		<b>0</b>	<b>383.774.561</b>	<b>42.855.109</b>	<b>502%</b>	<b>328%</b>
<b>11</b>	<b>Tiền thuế đất, mặt nước</b>	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>	<b>12.037.453</b>		<b>2.471.928</b>	<b>5.238.760</b>	<b>4.326.765</b>	<b>150%</b>	<b>150%</b>
<b>12</b>	<b>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>500.000</b>	<b>500.000</b>	<b>7.349.874</b>		<b>3.674.937</b>	<b>3.674.937</b>	<b>0</b>	<b>1470%</b>	<b>1470%</b>



TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh (%)	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định
13	Thu tại xã	2.000.000	2.000.000	5.002.666	0	0	0	5.002.666	250%	250%
-	Thu bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi			0						
-	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	2.000.000	2.000.000	3.014.201				3.014.201	151%	151%
-	Thu phạt			289.074				289.074		
-	Thu tịch thu			0						
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			90.995				90.995		
-	Thu bán, cho thuê tài sản			0						
-	Thu khác ngân sách còn lại			1.608.396				1.608.396		
14	Thu khác ngân sách	3.000.000	3.000.000	5.416.633	2.322.436	1.073.530	2.020.667	0	181%	181%
-	Thu phạt an toàn giao thông	1.500.000	1.500.000	894.480	894.480				60%	60%
-	Thu phạt (không bao gồm phạt ATGT)			1.402.371	1.302.208		100.163			
-	Thu tịch thu			174.435	103.278		71.157			
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			185.022	18.978		166.044			
-	Thu bán, cho thuê tài sản			56.623	500		56.123			
-	Thu khác ngân sách còn lại	1.500.000	1.500.000	2.703.702	2.992	1.073.530	1.627.180		180%	180%
II	Thu viện trợ	0	0	0						
III	Thu từ NXXK (Thuế XK)	0	0	612.846	612.846					
IV	Các khoản huy động, đóng góp	0	0	490.260	0	0	0	490.260		
1	Các khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng			324.760				324.760		
2	Các khoản huy động đóng góp khác			165.500				165.500		
B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	348.135.000	348.135.000	600.247.891	0	0	386.524.279	213.723.612	172%	172%
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	348.135.000	348.135.000	600.247.891	0	0	386.524.279	213.723.612	172%	172%
1	Bổ sung cân đối	348.135.000	348.135.000	404.533.371			328.568.584	75.964.787	116%	116%
2	Bổ sung có mục tiêu	0	0	195.714.520			57.955.695	137.758.825		
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	0						
C	THU CHUYỂN NGUỒN	0	0	143.289.456			95.290.967	47.998.489		
D	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH	0	0	39.061.716			39.061.716			
	Tổng cộng (A+B+C+D)	511.135.000	556.135.000	1.313.306.096	3.388.360	13.597.998	970.509.409	325.810.329	257%	236%

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019**

(Trình kỳ họp thứ 16, HĐND huyện khóa XX)

TT	Nội dung chi	Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % QTD/T
<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B+C)</b>				
<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>				
A		498.810.000	963.993.293	193%
I	Chi đầu tư phát triển	417.285.000	511.250.322	123%
1	Quy hoạch huyện	98.552.000	166.686.102	169%
2	Trả nợ cũ (các công trình đã phê duyệt QT hoặc đã hoàn thành)	6.000.000	1.304.017	22%
-	Cải tạo, nâng cấp Hội trường UBND huyện Nghi Xuân	46.680.000	34.333.227	74%
-	Tuyến đường huyện lộ 01 (Giang - Viên - Lĩnh)	5.000.000	4.500.000	90%
-	Nhà làm việc 3 tầng UBND huyện Nghi Xuân	8.000.000	7.500.000	94%
-	Nhà hiệu bộ trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Nghi Xuân	4.000.000	3.482.000	87%
-	Đập Đồng Bàn xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân	2.000.000	2.000.000	100%
-	Tuyến đường nội vùng khu du lịch Xuân Thành, đoạn từ cầu Đông Hội đến sân Golf xã Xuân Thành	1.500.000	1.500.000	100%
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	2.000.000	2.000.000	100%
-	Kiến cố hóa phòng học các Trường mầm non, tiểu học xã đặc biệt khó khăn, huyện Nghi Xuân	5.000.000		
-	Nâng cấp đường trục chính xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân	1.500.000	1.500.000	100%
-	Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát tại các xã Xuân Đan - Xuân Phố - Xuân Hải (giai đoạn 1)	900.000	894.333	99%
-	Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang Liệt sĩ huyện Nghi Xuân - Hàng mục: Cải tạo ao sen, sân đường nội bộ	1.000.000	722.328	72%
-	Trà nợ hệ thống đèn trang trí huyện	1.000.000	215.657	21%
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Mỹ - Thành - Hoa (HL03)	216.000	215.657	100%
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống các khu vệ sinh Nhà văn hóa Nguyễn Du	722.000	458.690	64%
-	Khởi phòng phục vụ học tập Trường Tiểu học xã Tiên Điền	500.000	500.000	100%
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Giang - Trĩn, huyện Nghi Xuân (DH.26)	340.000	340.000	100%
-	Hỗ trợ giao ban trực tuyến	1.500.000	1.500.000	100%
-	Nhà thí nghiệm, tin học trường THPT Nghi Xuân	6.000.000	1.800.000	30%
-	Nhà học số 2, 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân	1.500.000	1.500.000	100%
-	Tuyến đê hữu Sông Lam, đoạn từ cầu Bến Thủy đến đê Hội Thống, huyện Nghi Xuân	950.000	-	
-	Các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nghi Xuân, hạng mục nhà xe giáo viên học sinh, sân nhà hiệu bộ...	1.000.000	1.000.000	100%
-		2.000.000	2.000.000	100%
-		350.000	218.454	62%

TT	Nội dung chi	Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % QT/DT
-	Hà tầng kỹ thuật khu TDC khu đất thu hồi của công ty Hồng Lam Xuân Thành	702.000	701.765	100%
3	<b>Công trình xây dựng khởi công mới năm 2019</b>	<b>24.380.000</b>	<b>14.939.400</b>	61%
-	Công tiêu ứng qua kênh thủy lợi Lam Hồng, xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân	1.500.000	1.415.591	94%
-	Lắp đặt các cụm đèn tín hiệu giao thông tại huyện Nghi Xuân	1.500.000	894.587	60%
-	Khởi phục di tích Nhà ở Đại thi hào Nguyễn Du	4.300.000	2.300.000	53%
-	Trường THPT Nghi Xuân	3.000.000	2.549.222	85%
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tiên Yên (Huyện lộ 11)	2.280.000	2.280.000	100%
-	Đèn trang trí trên trục đường Gia Lách đi Khu di tích Đại Thi hào Nguyễn Du	4.000.000	4.000.000	100%
-	Đổi ứng đường liên xã Viên Lĩnh	3.500.000	1.500.000	43%
-	Đổi ứng nâng cấp, sửa chữa Đập Đồng Trày	3.500.000		
-	Kinh phí chuẩn bị đất tư XD đường tỉnh lộ 546 Hải-Hội	500.000		
-	Kinh phí chuẩn bị đất tư các tuyến đường nội thị của Thị trấn Xuân An	300.000		
4	<b>Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới, Đô thị văn minh</b>	<b>19.000.000</b>	<b>18.000.000</b>	95%
-	Hỗ trợ các xã NTM kiểu mẫu	6.000.000	6.000.000	100%
-	Hỗ trợ xây dựng Khu đô thị văn minh	6.000.000	6.000.000	100%
-	Dầu tư Xây dựng hạ tầng đô thị loại 4	4.000.000	4.000.000	100%
-	Tiền do vé Bàn đồ, cấp giấy	1.000.000	-	
-	Trả nợ đổi ứng Xi măng năm 2018	1.000.000	1.000.000	100%
-	Xây dựng hệ thống nước sạch nông thôn	1.000.000	1.000.000	100%
5	<b>Hỗ trợ Giải phóng mặt bằng các dự án</b>	<b>407.976</b>		
6	<b>Duy tu bảo dưỡng tuyến đường liên xã (bao gồm cả phần trả nợ duy tu 2018: 684.024tr)</b>	<b>2.084.024</b>	<b>1.584.692</b>	76%
7	<b>Bổ sung ĐTPT từ nguồn MTT tỉnh; tăng thu; kết dư</b>		<b>46.551.201</b>	
-	<b>Nguồn tăng thu 2019</b>		<b>28.284.000</b>	
+	Nhà WC+ nhà cầu Lông		700.000	
+	Nâng cấp tuyến đường từ DT547 vào hồ Xuân Hoa, xã Cỏ Dạm, huyện Nghi Xuân		400.000	
+	Cải tạo khu vực 2, UBND huyện		1.500.000	
+	Nhà học 02 tầng, 08 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường MN Xuân An (Phần hiệu 1)		3.000.000	
+	Nhà học 02 tầng, 08 phòng, nhà bếp + ăn và các hạng mục phụ trợ Trường MN Xuân An (Phần hiệu 2)		3.500.000	
+	Nhà học 02 tầng, 08 phòng Trường Tiểu học xã Xuân Liên		2.000.000	
+	Lắp đặt hệ thống điện trang trí trên tuyến đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du (đoạn từ xã Xuân Giang đến xã Tiên Điền)		1.800.000	
+	Cầu Trộ Su, thôn Long Thành, huyện Nghi Xuân		2.000.000	



## Nội dung chi

TT	Nội dung chi	Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % QI/DT
+	Hỗ trợ xã Xuân Thành 50% từ nguồn bán đầu giá Tái định cư tại địa phương và ngân sách huyện hướng 100% và 20% phần huyện hướng từ nguồn đầu giá đất tại địa phương để có nguồn lực xây dựng xã NTM nâng cao		4.000.000	
+	Hỗ trợ xã Xuân Trường từ nguồn tiền đất do công ty Trường Long nộp tại khu dân cư NTM Trường Thanh để trả nợ XD CB		5.000.000	
+	Hỗ trợ xã Xuân Viên từ nguồn bán đầu giá đất theo bản án mà ngân sách huyện hướng 100% để đơn vị có nguồn lực xây dựng xã NTM nâng cao		1.000.000	
+	Nhà đa năng Trường Tiểu học xã Xuân Đan		151.000	
+	Nhà hiệu bộ 2 tầng Trường Tiểu học Xuân Đan		900.000	
+	Đường Giao thông phục vụ NTTS-Xuân phố		1.500.000	
+	Khối phòng phục vụ học tập Trường Tiểu học xã Tiên Điền		133.000	
+	Nhà cầu lông, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND huyện		700.000	
-	<b>Nguồn 2018-2019 (chuyển nguồn)</b>		<b>2.168.459</b>	
+	Trường MN Xuân Đan. Hạng mục: Sân đường nô bộ hàng rào và các hạng mục khác- Ban A		139.000	
+	Trung tâm hành chính công huyện-Ban A		465.365	
+	Sửa chữa nhà vệ sinh nhà VH Nguyễn Du-Ban A		466.655	
+	Xây dựng công trình: Nhà xưởng thực hành TT Giáo dục nghề nghiệp-GDTX huyện		525.000	
+	Hệ thống dây và trạm biến áp cấp điện chi TT Giáo dục nghề nghiệp-GDTX huyện		49.995	
+	KP bồi thường GPMB dự án: XD Quảng trường Vườn thúy khu VH DL Nguyễn Du		72.444	
+	Cây Xanh trực đường Nguyễn Du		450.000	
-	<b>Nguồn Kết dư</b>		<b>8.624.742</b>	
+	Cung cấp lắp đặt thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến UBND huyện Nghi Xuân		1.928.915	
+	Lắp đặt hệ thống đèn trang trí trên trục đường Gia Lách Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du (Đoạn qua TT Xuân An 10 cụm)		4.878.000	
+	Nhà hiệu bộ Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Nghi Xuân		517.827	
+	Khối phòng hành chính-Thư viện Trường THPT Nghi Xuân, Hà Tĩnh		1.300.000	
-	<b>Nguồn Mục tiêu tỉnh</b>		<b>7.474.000</b>	
+	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Giang-Tiên huyện Nghi Xuân		2.500.000	
+	Trường Tiểu học xã Tiên Điền: Khối phòng phục vụ học tập Trường Tiểu học		2.000.000	
+	Lắp đặt hệ thống đèn trang trí trên trục đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du ( đoạn qua TT Xuân An) huyện Nghi Xuân		474.000	
+	Nhà học 02 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân		2.500.000	
8	<b>Ghi chi tiền đất, thuê đất khấu trừ kinh phí GPMB các dự án</b>		<b>49.973.565</b>	
II	<b>Chi Thường xuyên</b>	<b>311.727.000</b>	<b>340.016.082</b>	<b>109%</b>

TT	Nội dung chi	Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % QT/DT
1	Sự nghiệp kinh tế	26.980.000	18.290.021	68%
-	Sự nghiệp Lâm nghiệp	60.000	251.000	418%
-	Sự nghiệp Nông nghiệp	90.000	200.000	222%
-	Sự nghiệp Thủy lợi 50tr + Phòng chống bão lụt 100tr	150.000	150.000	100%
-	Sự nghiệp Giao thông + Ban ATGT	80.000	80.000	100%
-	Sự nghiệp Thủy sản	80.000	80.000	100%
-	Sự nghiệp quản lý Tài Nguyên - Môi trường	150.000	345.100	230%
-	Công nghiệp - TTCN 70tr	70.000	70.000	100%
-	Sự nghiệp Thương mại và Du lịch - Dịch vụ-Doanh nghiệp	80.000	269.600	337%
-	Sự nghiệp Thị chính: ( Chính trang cây xanh đô thị, hạ tầng kỹ thuật trên 1 số tuyến đường TT huyện và Quảng trường Biên KIDL Xuân Thành )	9.000.000	4.500.000	50%
-	Sự nghiệp Kinh tế khác	250.000	391.840	157%
-	KP miễn giảm Thủy lợi phí theo ND 67/2012/NĐ-CP	2.330.000	2.110.368	91%
-	KP đất trồng lúa theo ND 35/2015/NĐ-CP	2.960.000	2.960.000	100%
-	Đối ứng các chính sách phát triển NNT+Hỗ trợ các Ban Chi đạo, phòng, ban hoạt động triển khai chính sách cấp huyện+ Xe vận chuyển+ Lò đốt; Hỗ trợ các nhiệm vụ khác. <i>Bổ sung thêm nhiệm vụ chi tại CV số 91/TTHDND huyện</i>	10.180.000	4.400.000	43%
-	Kp hoạt động, phụ cấp BCD nông thôn mới, đồ thi văn minh trên địa bàn	1.500.000	2.482.113	165%
2	TT Ứng dụng Khoa học kỹ thuật & Bảo vệ cây trồng vật nuôi (80/20)	1.207.451	2.283.571	189%
-	Bộ máy của Trung tâm	1.019.688	1.056.688	104%
-	Hoạt động bộ máy trung tâm	187.763	1.226.883	653%
3	Văn phòng Đăng ký QSD đất (80/20)	318.327	0	
-	Bộ máy biên chế	241.450	-	
-	Hoạt động	76.877	-	
4	Sự nghiệp Môi trường. <i>Bổ sung thêm nhiệm vụ chi tại CV số 91/TTHDND huyện</i>	2.900.000	2.062.379	71%
5	Sự nghiệp đào tạo thuộc Trung tâm chính trị (80/20)	1.203.477	2.253.180	187%
-	Bộ máy biên chế	488.223	506.223	104%
-	Hoạt động bộ máy	135.254	266.482	197%
-	Thực hiện nhiệm vụ đào tạo trên địa bàn theo quy định của tỉnh tại QĐ số 58/2016/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2016	580.000	1.480.475	255%
6	Trung tâm Văn hóa-Truyền thông (80/20)	2.527.245	3.844.644	152%
-	Bộ máy biên chế	1.697.252	1.888.706	111%
-	Hoạt động bộ máy	399.953	450.000	113%

## Nội dung chi

TT		Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % Q1/DT
-	CLB ca trù & Quản lý di tích Nguyễn Công Trứ...	50.040	250.000	500%
-	Sự nghiệp văn hoá	140.000	665.138	475%
-	Hoạt động thể thao	140.000	220.800	158%
-	Hoạt động SN Truyền hình (Nhân lực, Tuyên truyền, Truyền hình)	50.000	120.000	240%
-	Kp xây dựng chương trình, tuyên truyền NTM, Đồ thị văn minh, các ngày lễ lớn	50.000	250.000	500%
7	<b>Trung tâm Dân số KHH Gia đình (80/20)</b>	<b>776.294</b>	<b>1.754.634</b>	<b>226%</b>
-	Bộ máy biên chế	571.766	685.319	120%
-	Hoạt động bộ máy + 0,1% sự nghiệp dân số theo đề án: 100tr	204.528	1.069.315	523%
8	<b>Trung tâm y tế dự phòng(80/20)</b>	<b>13.234.457</b>	<b>14.099.865</b>	<b>107%</b>
8.1	<b>Phần trung tâm</b>	<b>2.819.635</b>	<b>4.025.029</b>	<b>143%</b>
-	Bộ máy biên chế	2.277.824	2.367.611	104%
-	Hoạt động	487.367	1.602.974	329%
-	Hỗ trợ Bác sỹ, được sự TT Y tế dự phòng (QĐ số 03/2012).-HSICB*20%*MLCS*12T	54.444	54.444	100%
8.2	<b>Phần Trạm y tế</b>	<b>8.507.822</b>	<b>8.977.836</b>	<b>106%</b>
-	Quy lương+BH 19 trạm y tế (89 người)	7.556.108	7.826.122	104%
-	Hoạt động 19 trạm y tế	556.554	756.554	136%
-	Tiền trực 19 trạm y tế	195.000	195.000	100%
-	Hỗ trợ Bác sỹ trạm y tế: (QĐ số 03/2012)-Số lương BS*MLCS*12T	200.160	200.160	100%
8.3	<b>Kp Y tế học đường chuyên viên chức từ SN GD sang y tế dự phòng</b>	<b>1.907.000</b>	<b>1.097.000</b>	<b>58%</b>
9	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	<b>23.729.239</b>	<b>24.544.373</b>	<b>103%</b>
9.1	<b>Hội quần chúng (80/20)</b>	<b>1.626.039</b>	<b>1.832.716</b>	<b>113%</b>
-	Hội chữ Thập đỏ.	335.620	425.837	127%
+	Bộ máy biên chế	154.292	159.932	104%
+	Hoạt động bộ máy	31.328	111.233	355%
+	Hoạt động cứu trợ	150.000	154.672	103%
-	Hội Người mù	296.645	352.005	119%
+	Bộ máy biên chế	249.917	261.257	105%
+	Hoạt động	46.728	90.748	194%
-	Hội Người cao tuổi	88.324	149.424	169%
+	Bộ máy biên chế	48.204	48.204	100%
+	Hoạt động	20.120	81.220	404%
+	Hoạt động 01 chuyên trách hội	20.000	20.000	100%
...	Các Hội không chuyên trách còn lại (13 hội không chuyên trách: 210tr+Khác 50tr; Tập thể giảng dạy 50tr)	310.000	310.000	100%

## Nội dung chi

TT		Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % Q1/DT
-	Khuyến học = Hỗ trợ HS nghèo 50 + Khuyến học 120+Ban chỉ đạo học tập suốt đời 30tr	200.000	200.000	100%
-	Phụ cấp các hội đặc thù theo QĐ số 3239/440/QĐ-UBND tỉnh	395.450	395.450	100%
+	Hội dioxin (da cam): 01 Chủ tịch hệ số 2,5 + 01 Phó chủ tịch hệ số 2,0	75.060	75.060	100%
+	Hội bảo trợ khuyết tật và trẻ em mồ côi: 01 Chủ tịch hệ số 2,5+01 PCT hệ số 2,0	75.060	75.060	100%
+	Hội Khuyến học: 01 Chủ tịch hệ số 2,5 + 01 Phó chủ tịch hệ số 2,0	70.200	70.200	100%
+	Hội Cựu thanh niên xung phong: 01 Chủ tịch hệ số 2,5 + PCT 0,2+01 Ủy viên thư ký hệ số 1,5	100.080	100.080	100%
+	Hội người cao tuổi: 01 Chủ tịch hệ số 2,5+01 phó chủ tịch hệ số 2,0,	75.050	75.050	100%
9.2	Quản trang, khánh tiết, và bảo đảm xã hội khác (Trong đó: Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ: 50tr)	700.000	700.000	100%
9.3	Chi bảo hiểm y tế người nghèo: ( 2.920 đối tượng x 1.390.000đ x 4,5% x 12T) -Tạm tính khi chưa rà soát và chưa tính nâng lương 2019	2.192.000	1.900.093	87%
9.4	Bảo hiểm y tế đối với đối tượng bảo trợ XH	1.594.000	1.850.794	116%
9.5	Trợ cấp Thường xuyên cho các đối tượng theo ND 136/NĐ-CP (Trợ cấp TX: 16.814tr; Mai táng phí 664,2tr; điểm chi trả 114tr; Kp quản lý 25tr)	17.617.200	18.260.770	104%
10	Chi Quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể (75/25)	26.098.591	38.931.314	149%
a.	Chi Quản lý Nhà nước.	14.332.903	22.570.369	157%
-	Hội đồng nhân dân huyện	1.738.890	2.302.874	132%
+	Biên chế	402.997	545.954	135%
+	Hoạt động bộ máy	136.733	166.733	122%
+	PC HĐND (30 người);Mức tính 0,4 +Pc kiêm nhiệm=12,0*1.390.000đ*12T)	200.160	207.360	104%
+	Chi các kỳ họp, hoạt động giám sát HĐND và chi hoạt động khác	999.000	1.382.827	138%
-	Cơ quan UBND huyện	10.839.766	18.502.600	171%
+	Biên chế + HD	6.070.903	6.230.793	103%
+	Hoạt động BC+HD của bộ máy	1.825.391	4.500.000	247%
+	PC cấp uỷ UBND huyện (13 người x 0,3x 1.390.000đ x 12T)	65.052	65.052	100%
+	Phụ cấp đặc thù cho Bác sỹ, được sỹ quản lý phòng Y tế cấp huyện (QĐ số 03/2012)-HSLCB*30%*MLCS*12T	25.420	25.420	100%
+	Hoạt động chi bộ cơ sở theo QĐ 99/2012/QĐ-TW: 250tr/chính quyền/năm	250.000	250.000	100%
+	Chi hoạt động của UBND huyện	1.684.000	5.844.941	347%
+	Chi hoạt động trang Web (hoạt động+nhuận bút+khác):120tr+ IS6: 50tr	170.000	202.000	119%
+	Tuyên truyền PL (Tu pháp)+ kiểm tra rà soát VB QPPL và công tác hòa giải cơ sở...	80.000	178.000	223%
+	Thanh tra nhà nước	80.000	184.694	231%
+	Công tác tôn giáo (chùa+giáo xứ, giáo họ) Nội vụ, TEDKT	150.000	261.000	174%
+	Quản lý Nhà nước về Văn hoá (Trong đó: Phong trào toàn dân: 50tr; hoạt động công nghệ TT:30tr;)	80.000	180.000	225%
+	Quản lý Nhà nước về Y tế	30.000	65.000	217%

## Nội dung chi

TT	Nội dung chi	Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % QI/DT
+	Tiếp dân, xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo...	80.000	210.000	263%
+	Hội khoa học kỹ thuật huyện 30tr	30.000	30.000	100%
+	Kp hoạt động TT Hành chính công huyện	219.000	275.700	126%
-	<b>Phòng Giáo dục &amp; Đào tạo (75/25)</b>	<b>1.754.247</b>	<b>1.764.895</b>	<b>101%</b>
+	Biên chế	1.344.992	1.355.640	101%
+	Hoạt động	409.255	409.255	100%
b.	<b>Ngân sách hoạt động của Đảng</b>	<b>8.228.255</b>	<b>11.292.872</b>	<b>137%</b>
*	<b>Huyện ủy</b>	<b>7.993.219</b>	<b>10.968.754</b>	<b>137%</b>
-	Cơ quan Huyện ủy	4.529.874	4.648.724	103%
+	Biên chế	3.391.745	3.510.595	104%
+	Hoạt động bộ máy	1.138.129	1.138.129	100%
-	PC cấp ủy theo QĐ 315/QĐ-TW: 39 người phụ cấp 0,4	220.176	220.416	100%
-	PC cơ yếu (Tiền ôn + Đường sưa+Trang phục: Phụ cấp đã tính trong hệ số PC theo lương)	30.425	30.424	100%
-	PC báo cáo viên huyện xã ( 29 người phụ cấp 0,2 )	96.744	96.744	100%
-	BCĐ 94 (Chế độ diễn biến hòa bình theo CV số 39-HD/VPTW ngày 16/10/2018)	206.000	206.000	100%
-	Hoạt động chi bộ cơ sở theo QĐ 99/2012/QĐ-TW: 200tr/huyện ủy/năm	200.000	200.000	100%
-	Hoạt động của cấp ủy huyện và khác	1.580.000	4.247.946	269%
-	Đoàn công tác TVHU	200.000	200.000	100%
-	BCĐ công tác tôn giáo; BCD quy chế dân chủ; BCD dân vận khéo	15.000	15.000	100%
-	Ban CD cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương của Bác	50.000	50.000	100%
-	Hoạt động các ban Đảng: 4 ban+01VP	150.000	315.000	210%
-	Các đoàn kiểm tra của ban Đảng	50.000	50.000	100%
-	Tạp chí thông tin của huyện	65.000	88.500	136%
-	Kp biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện	600.000	600.000	100%
*	<b>Ban Chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cán bộ</b>	<b>235.036</b>	<b>324.118</b>	<b>138%</b>
-	Phụ cấp cho CB bảo vệ SK, chăm sóc cán bộ theo văn bản số 1278/CV-VPTW ngày 30/3/2009: (9 người x 0,3 x 1.390.000đ x 12T)	45.036	45.036	100%
-	Hoạt động khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ (Tỉnh và huyện)	140.000	167.320	120%
-	Kinh phí thăm viếng: Kp theo qui định 681/QĐ/TTU và thông báo số 166/TB/HU	50.000	111.762	224%
c.	<b>Đoàn thể cấp huyện</b>	<b>3.537.433</b>	<b>5.068.073</b>	<b>143%</b>
-	<b>Mặt Trận Tổ Quốc</b>	<b>1.174.121</b>	<b>1.990.764</b>	<b>170%</b>
+	Biên chế	697.979	889.627	127%
..+	Hoạt động bộ máy	225.902	847.537	375%

TT		Nội dung chi			Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % QT/DT
+		Ủy Ban đoàn kết Công giáo theo VB số 286/BTC-HCSN ngày 13/6/2012 của BTC			120.000	120.000	100%
+		Hỗ trợ sinh hoạt phí UVUB MTTQ theo QĐ số 33/2014/TTg ngày 28/5/2014 và CV số 166/CV-MT TTQ tỉnh (21 người x 120.000đ/tháng x 12T)			30.240	33.600	111%
+		Hoạt động chi bộ cơ sở theo QĐ 99/2012/QĐ-TW: 100tr/Khối dân/năm			100.000	100.000	100%
-		<b>Đoàn Thanh niên</b>			438.174	657.661	150%
+		<i>Biên chế</i>			305.240	316.220	104%
+		<i>Hoạt động</i>			92.934	251.441	271%
+		<i>Hội liên hiệp thanh niên, Hội đồng đôi 10tr+ Hỗ trợ do thiếu định biên 30tr</i>			40.000	90.000	225%
-		<b>Hội Phụ nữ huyện</b>			782.237	906.266	116%
+		<i>Biên chế</i>			615.826	637.976	104%
+		<i>Hoạt động</i>			166.411	268.290	161%
-		<b>Hội nông dân huyện</b>			804.466	947.368	118%
+		<i>Biên chế</i>			630.779	654.169	104%
+		<i>Hoạt động</i>			173.687	293.199	169%
-		<b>Hội cựu chiến binh</b>			338.435	566.014	167%
+		<i>Biên chế</i>			259.374	268.694	104%
+		<i>Hoạt động</i>			79.061	297.320	376%
11		<b>Chi An ninh</b>			674.000	1.278.245	190%
-		Chi nhiệm vụ An ninh (Trong đó: Ban phòng chống Ma túy và tội phạm 50tr; QĐ 104 CP liên ngành 30tr)			674.000	1.278.245	190%
12		<b>Chi Quốc Phòng</b>			1.162.000	2.969.866	256%
-		Chi nhiệm vụ Quốc phòng (Trong đó: Ban An toàn làm chủ huyện 70tr; Giáo dục QP 50tr)			909.000	2.716.866	299%
-		Kp trách nhiệm cán bộ tự vệ cấp huyện			120.000	120.000	100%
-		Kp tổng kết, khen thưởng DQTV			133.000	133.000	100%
13		<b>Chi các nhiệm vụ của Bài tằm Xuân thành (80/20)</b>			791.742	1.277.795	161%
-		<i>Biên chế</i>			303.475	315.110	104%
-		<i>Hoạt động</i>			98.267	98.267	100%
-		<i>Cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ và các hoạt động khác</i>			200.000	634.418	317%
-		<i>Điện chiếu sáng, sửa chữa+ chi khác</i>			190.000	230.000	121%
14		<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>			193.444.000	203.179.326	105%
..*		Trung tâm dạy nghề HN & GDTX ( 80/20 )			3.052.798	2.621.176	86%

TT	Nội dung chi	Dự toán 2019	Quyết toán NSNN 2019	Tỷ lệ % QT/DT
-	Bộ máy biên chế	2.377.023	1.976.624	83%
-	Hoạt động bộ máy	454.775	423.552	93%
-	Đào tạo nghề	221.000	221.000	100%
*	Chi cho Sự nghiệp giáo dục ( Trường học của các bậc học có dự toán riêng)	190.391.202	200.558.150	105%
15	Kinh phí đại hội; hoạt động KN ngày lễ lớn; đoàn ra đoàn vào; Kp kỷ niệm 550 năm thành lập huyện; xúc tiến đầu tư; hoạt động khác trong năm 2019 (Trên diện hộ nghèo, CS...); <i>Bổ sung thêm nhiệm vụ chi tại CV số 91/TTUBND huyện ngày 08/11/2019: 5,0 tỷ</i>	7.845.177	12.563.130	160%
16	Cải cách hành chính+Hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin	250.000	250.000	100%
17	Kinh phí các hoạt động nhiệm vụ còn tồn đọng 2018: 2,5 tỷ và CCTL 2019: 800tr. <i>Bổ sung thêm nhiệm vụ chi tại CV số 91/TTUBND huyện ngày 08/11/2019-NQ 61: 2,5 tỷ</i>	3.300.000	5.672.713	172%
18	Kp đào tạo, tập huấn; nâng cấp phần mềm kế toán Hành chính sự nghiệp; Phần mềm kế toán ngân sách xã, thị trấn năm 2019	550.000	550.000	100%
19	Chi cho công tác Thi đua khen thưởng	900.000	1.314.790	146%
20	Chi khác ngân sách	1.000.000	812.000	81%
21	Chi An toàn giao thông	235.000	260.000	111%
22	Chi sửa chữa lớn, mua sắm TS	1.500.000	802.000	53%
23	Đề án chính lý Tài liệu 2019	1.100.000	1.022.236	93%
III	Dự phòng Ngân sách huyện	7.006.000	4.548.138	65%
B	CHI CHUYÊN GIAO QUÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ, THỊ TRẤN	81.525.000	147.241.124	181%
-	Trợ cấp cần đòi cho ngân sách cấp xã, thị trấn	81.525.000	75.964.787	93%
-	Bổ sung mục tiêu	0	71.276.337	
C	CHI CHUYÊN NGUỒN	0	305.501.847	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN